TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 624/2025/DS-ST
Ngày: 08/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Trương Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1473/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S
Trụ sở: số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973; Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP S (theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2024), (có yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974
Địa chỉ: A Đường I, tổ D, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2024 và lời trình bày của ông Nguyễn Minh T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Nội dung đơn kiện: Ngày 06/11/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) ký với ông Nguyễn Văn H Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng, phát hành thẻ mới với hình thức vay tiền qua thẻ Visa Pay, số thẻ 472075-1327, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Từ ngày được cấp thẻ tín dụng ông Nguyễn Văn H đã giao dịch với tổng số tiền 13.256.523 đồng, ông Nguyễn Văn H đã thanh toán số tiền 10.200.000 đồng, kể từ lần giao dịch sau cùng ngày 23/11/2021 thì ông Nguyễn Văn H ngưng không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng S theo thỏa thuận giữa hai bên. Ông Nguyễn Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S. Do đó, ngày 23/11/2021 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang tiền nợ quá hạn với ông Nguyễn Văn H. Nay Ngân hàng S thông báo khởi kiện để thu hồi toàn bộ tiền nợ thẻ tín dụng trên.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Văn H thanh toán cho Ngân hàng S tiền nợ tính đến ngày 08/9/2025 là 32.802.262 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm lẻ hai ngàn hai trăm sáu mươi hai đồng), (trong đó tiền nợ gốc 11.707.342 đồng, tiền lãi quá hạn 21.094.920 đồng).

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn bảo lưu yêu cầu của mình như trên. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Về tiền lãi suất kể từ ngày 09/9/2025, ông Nguyễn Văn H còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không đến. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú trên địa bàn phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là ông Nguyễn Văn H thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản mà không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả số tiền trên cùng với bị đơn. Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với chủ thể của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bị đơn vắng mặt, nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm thanh toán tiền vay còn nợ của người nào khác.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Vấn đề này HĐXX thấy rằng: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S ngày 06/11/2019 thì bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn, hình thức vay tiền qua thẻ tín dụng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, với hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ và sử dụng thì bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo thỏa thuận giữa hai bên. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ của mình đối với nguyên

đơn, căn cứ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự "Nghĩa vụ trả nợ của bên vay" là không thanh toán tiền đúng hạn cho nguyên đơn và nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 32.802.262 đồng, là có cơ sở pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi quá hạn từ ngày 09/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn. Xét, lãi suất áp dụng giữa các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 là có cơ sở pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu về tiền lãi suất của nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn, trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền án tạm ứng phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 32.802.262 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm lẻ hai ngàn hai trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày 09/9/2025, ông Nguyễn Văn H còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 1.640.113 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn một trăm mười ba đồng).

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 705.146 đồng (bảy trăm lẻ năm ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079229 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 – TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 2 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Loan